TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/01/2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Nghiêm

2. Ông Nhan Ngọc Đảnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Thanh Điền

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án lý số: 107/2017/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2017 về việc: Tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **N Th L**, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp T H, xã T T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- Bị đơn: Anh **V Th T**, sinh năm 1972. Địa chỉ cư trú: Tổ B, ấp Th H, xã Th Tr, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long. (xin vắng mặt)

- Con chưa thành niên: Cháu **V Tr A**, sinh ngày 07/9/2002. Địa chỉ cư trú: Tổ C, ấp Th H, xã Th Tr, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long. (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 27 tháng 6 năm 2017, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị L trình bày: Vào năm 1996 do gia đình mai mối, được sự chấp thuận của gia đình hai bên chị và anh V Th T tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ nói, cưới theo phong tục tại địa phương vào tháng 6 năm 1996 (âm lịch). Sau khi kết hôn chị và anh Tùng đến Ủy ban nhân dân xã Th Tr, huyện B M (nay là huyện B T), tỉnh V L đăng ký kết hôn trễ hạn và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 10 năm 2001.

Nữ trang cưới gồm có 01 sợi dây chuyền, 01 đôi bông tai, tổng cộng là 03 chỉ vàng 24K, số nữ trang này chị và anh T đã bán chi tiêu trong gia đình hết không còn.

Sau ngày cưới chị và anh T sống bên gia đình chồng tại ấp Th H, xã Th Tr, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 04 năm và sinh được hai con chung là V Th K T, sinh ngày 27/02/1998 đã trưởng thành và V Tr A, sinh ngày 07/9/2002 hiện chị đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian sống chung vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, anh T thường hay rượu chè về nhà thì kiếm chuyện đánh đập, chửi bới chị nhiều lần, ngoài ra anh Tùng còn ghen tuông vô cớ dẫn đến đời sống vợ chồng không còn được hạnh phúc, mặc dù chị đã nhiều lần cố gắng khuyên can anh T thay đổi để vợ chồng hàn gắn lại tình cảm nhưng đều không được.

Chị L nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, càng không thể duy trì cuộc hôn nhân này nên chị Lài xin được ly hôn với anh V T T. Về con chung: V Th K T, sinh ngày 27/02/1998 đã trưởng thành chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết; V Tr A, sinh ngày 07/9/2002 chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu A. Về quan hệ tài sản: Vợ chồng không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2017 bị đơn anh V Th T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung đúng như ý kiến chị L đã trình bày trong đơn khởi kiện. Quá trình chung sống vợ chồng anh có nhiều ý kiến bất đồng và nhiều mâu thuẫn khác. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn với chị L vì anh còn thương vợ con, anh yêu cầu được đoàn tụ. Nếu chị L cương quyết xin được ly hôn với anh thì anh yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chấp nhận cho anh và chị Lài được ly hôn. Về con chung: V T K T, sinh ngày 27/02/1998 đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; V Tr A, sinh ngày 07/9/2002 anh đồng ý để chị L được quyền nuôi dưỡng, chị Lài không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi cháu Anh thì anh đồng ý. Về quan hệ tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Anh T xin được vắng mặt tại phiên tòa vào ngày 03/01/2018.

- Tại bản khai ngày 27/6/2017 cháu V Tr A trình bày: Cháu là con của ông V Th T và bà Ng Th L. Nếu cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu muốn được tiếp tục sống chung với mẹ là Ng Th L. Do bận học nên cháu xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử tại Tòa án.

- Tại phiên tòa chị Ng Th L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng xảy ra đã lâu nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B T, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng:

Từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng và thu thập chứng cứ. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không tham dự các buổi hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Viện kiểm sát nhân dân huyện B T, tỉnh Vĩnh Long xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã kéo dài, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn lại được. Vì vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu V Th K T, sinh ngày 27/02/1998 đã trưởng thành chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết; Cháu V Tr A, sinh ngày 07/9/2002 chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu A. Bên cạnh đó nguyện vọng của cháu Anh muốn được tiếp tục sống chung với chị Lài. A Tùng có ý kiến đồng ý để chị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu A. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu V T A, sinh ngày 07/9/2002 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu A.

Về quan hệ tài sản: Chị L và anh T không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân: Buộc nguyên đơn chị Ng Th L nộp số tiền là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét chị Ng Th L yêu cầu được ly hôn với anh V Th T, anh T có nơi cư trú thuộc huyện B T, tỉnh V L nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B T, tỉnh Vĩnh Long được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã tiến hành tống đạt giấy triệu tập xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Tùng nhận vào ngày 18/12/2017, tại biên bản lấy lời khai cùng ngày anh Võ Thanh Tùng đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Võ Thanh Tùng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng Th L và anh V Th T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét trong quá

trình chung sống giữa anh chị thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, không còn sự cảm thông và tôn trọng nhau. Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhằm giúp anh Tùng có điều kiện đoàn tụ cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn vắng mặt, điều này thể hiện anh T không muốn duy trì cuộc hôn nhân này nữa, chị L và anh T đã hàn gắn nhiều lần nhưng việc sống chung không có hạnh phúc, bản thân anh T không chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình, làm mất lòng tin với chị L. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận để chị L được ly hôn với anh T là có căn cứ.

[3] Xét về con chung: Chị Ng T Lvà anh V Th T có 02 con chung là cháu V Th K T, sinh ngày 27/02/1998 đã trưởng thành chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết; Cháu V Tr sinh ngày 07/9/2002 chị Lài yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu A. Yêu cầu của chị L phù hợp với nguyện vọng của cháu A cũng như ý kiến của anh T nên Hội đồng xét xử chấp nhận để chị Lài được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu V Tr A là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu A.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải nộp số tiền án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L

1.1. Chị L được ly hôn với anh T.

1.2. Về con chung: Công nhận cho chị L được quyền tiếp tục nuôi con chung tên A, sinh ngày 07/9/2002. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở. Nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong

gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

1.3. Về quan hệ tài sản: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị L phải nộp số tiền án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số No 0011801 ngày 27/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B T, tỉnh Vĩnh Long nên chị Lài đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án xử công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được giao bản án, bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Bình Tân, TVL;
- Chi cục THA-DS huyện Bình Tân, TVL;
- UBND xã Thành Trung, huyện Bình Tân, TVL;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Phương